

Bản án số: 256/2024/DS-PT

Ngày: 17/9/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Vĩnh Yên.

*Các Thẩm phán:* Bà Đỗ Thị Nhung

Bà Trương Thị Thảo

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Ánh Nhi – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:** Ông Phùng Đức Nam – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 226/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2024/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 226/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 605/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số B, tổ B, đường P, khu phố B, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Ngọc N, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số G đường P, khu phố B, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo bản án sơ thẩm. nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2023, các lời khai bổ sung nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Loan trình bày: Bà có cho bà Lê Thị Ngọc Nga vay tiền và vàng nhiều lần, cụ thể:**

+ Ngày 30/12/2011 cho vay 03 chỉ vàng 9999, hẹn ngày 10/10/2012 thanh toán, lãi suất 300.000 đồng/tháng, bà Nga có viết và ký 01 giấy tay vay vàng, bà

Loan đã nhận được 21 tháng tiền lãi là 6.300.000 đồng.

+ Ngày 25/6/2013 cho vay 30.000.000 đồng, hạn 1 năm thanh toán, lãi suất 2,5%/tháng, bà Nga có viết và ký 01 giấy vay tiền, bà Loan đã nhận được hai tháng tiền lãi là 1.500.000 đồng.

+ Ngày 10/7/2013 cho vay 25.000.000 đồng, hạn 1 năm thanh toán, lãi suất 2,5%/tháng, bà Nga có viết và ký 01 giấy vay tiền, bà Loan đã nhận được một tháng tiền lãi là 625.000 đồng.

+ Ngày 12/7/2013 cho vay 08 chỉ vàng 9999, bà Nga có viết và ký 01 giấy vay vàng, bà Loan đã nhận được 01 tháng tiền lãi là 800.000 đồng.

Khoảng tháng 6 - 7/2013 thì bà Nga bị bế nợ, mẹ bà Nga thay bà trả 06 chỉ vàng 9999, số nợ còn lại bà Nga hạn từ từ trả nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán. Nay bà Loan yêu cầu cá nhân bà Nga trả cho bà số tiền vay gốc 55.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 9999 theo giá vàng tại thời điểm Tòa án xét xử.

Chứng cứ: tự khai; căn cước công dân, đơn đề nghị không hòa giải, đối thoại, bản pho to và bản chính giấy vay tiền, đơn đề nghị không hoà giải, đơn xin vắng mặt, đơn đề nghị hỗ trợ gửi tài liệu, chứng cứ, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

**\* Tại văn bản trình bày ngày 06/6/2023 và ngày 16/6/2024 bị đơn bà Lê Thị Ngọc Nga trình bày:**

Các giấy mượn tiền bà Loan cung cấp không có giá trị vì là bản photo, có một số thông tin do người khác tự ghi vào, trong các giấy mượn tiền ghi chị Loan, Lê Thị Ngọc Nga nhưng không ghi rõ họ tên địa chỉ nên không có cơ sở xác định người cho vay và người vay là bà Nguyễn Thị Kim Loan và bà Lê Thị Ngọc Nga để khởi kiện. Giấy mượn tiền không ghi nhận trả lãi nhưng đơn khởi kiện của bà Loan thể hiện cho vay lãi suất 2,5%, đồng thời giấy tờ ghi nhận cho mượn nhưng lại tính lãi là mâu thuẫn. Thời gian vay, mượn từ năm 2011 nhưng đến nay bà Loan mới khởi kiện là vô lý. Do đó bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bà không mượn tiền, vàng của nguyên đơn.

\* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2024/DS-ST ngày 19/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai đã tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L. Buộc bà Lê Thị Ngọc N trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 84.650.000 (Tám mươi tư triệu sáu trăm năm mươi ngàn) đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (sau khi án có hiệu lực pháp luật), người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về chi phí tố tụng: Buộc bà Lê Thị Ngọc N trả cho bà Nguyễn Thị Kim L 4.000.000 (Bốn triệu) đồng chi phí tố tụng.

- Về án phí: Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L 2.070.000 đồng tiền tạm ứng án phí do bà L nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh theo biên lai thu số 0006814 ngày 10/5/2023.

Bà Lê Thị Ngọc N phải chịu 4.232.500 (Bốn triệu hai trăm ba mươi hai ngàn năm trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo.

\* Ngày 27/6/2024 bị đơn bà N nộp đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2024/DS-ST ngày 19/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, ngày 08/7/2024 bà N có nộp đơn kháng cáo bổ sung với nội dung đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

*\* Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*

+ **Về việc tuân theo pháp luật của Tòa án và đương sự trong việc giải quyết vụ án:** Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

+ **Về đường lối giải quyết ở cấp phúc thẩm:**

Nguyên đơn Bà L cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là bản chính giấy viết tay các lần mượn tiền, vàng, cụ thể:

. Giấy ngày 25/6/2013 nội dung bà N mượn của bà L 30.000.000 đồng.

. Giấy ngày 12/7/2023 nội dung bà N mượn của bà L 08 chỉ vàng 24K 9999.

. Giấy ngày 30/12/2011 nội dung bà N mượn của bà L 3 chỉ vàng 9999.

. Giấy ngày 10/7/2013 nội dung bà N mượn của bà L số tiền 25.000.000 đồng.

Bà N đã trả được cho bà 0 chỉ vàng 9999, còn thiếu 55.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 9999.

Do bị đơn Lê Thị Ngọc N không thừa nhận giấy vay tiền nên Tòa án sơ thẩm đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trong các giấy mượn tiền. Kết luận giám định số 7488/KL-KTHS ngày 24/01/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận “*Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Thị Ngọc N trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Thị Ngọc N trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người ký, viết ra*”.

Việc bị đơn bà N cho rằng trong các giấy nợ không ghi rõ họ tên địa chỉ của người vay và người cho vay nên không có cơ sở xác định người thiếu nợ là bà Lê Thị Ngọc N cũng như người cho vay là bà Nguyễn Thị Kim L để bà L căn cứ vào các giấy nợ này khởi kiện bà. Tuy nhiên, qua giám định chữ viết, chữ ký xác định là của bà N, còn về phần người cho vay, mặc dù trong giấy không ghi họ tên địa

chỉ của bà L, nhưng bà L là người đang lưu giữ bản chính giấy vay mượn tiền nên bà có quyền khởi kiện bà N.

Từ những nhận định như trên cho thấy có cơ sở xác định bà N có vay tiền và vàng và còn thiếu như nguyên đơn trình bày nên buộc bà N trả cho bà L số tiền tiền gốc và vàng đã vay. Kết quả xét xử sơ thẩm, bà N cho rằng Tòa án có vi phạm tố tụng như: không có quyết định phân công hội thẩm nhân dân, bỏ sót chồng bà, xác định giá vàng quy đổi tiền VNĐ không có căn cứ, giải quyết dựa trên giấy vay tiền bản photo. Nhận thấy:

- Về việc thay đổi hội thẩm nhân dân, cũng như nghiên cứu hồ sơ trước khi xét xử. Tòa án có quyết định thay đổi thành viên hội đồng xét xử là bà Trần Thị Tố L1 – hội thẩm nhân dân thay thế ông Hoàng Thanh T1. Việc thay đổi thành viên không được thẩm phán đưa vào hồ sơ vụ án là có vi phạm, thiếu sót, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

- Việc bà N cho rằng Tòa án không đưa chồng bà là ông Lê Xuân T2 để liên đới chịu trách nhiệm trả nợ là bỏ sót người tham gia tố tụng. Xét nội dung này của bà N thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, bà N không cung cấp tài liệu chứng cứ nào trong việc vay mượn tiền có liên quan đến ông T2 và cũng không yêu cầu đưa ông T2 vào tham gia tố tụng. Do đó, không có cơ sở để xem xét ở cấp phúc thẩm. Trường hợp ông T2 có nợ cùng với bà N trong vụ kiện này, bà có quyền yêu cầu Tòa án xem xét nợ chung trong thời kỳ hôn nhân.

- Bà N còn cho rằng Tòa sơ thẩm quy đổi giá vàng không có căn cứ pháp lý. Nhận thấy, Tòa án xác định theo giá vàng bạc niêm yết trên thị trường vào thời điểm được đánh giá, xét xử là phù hợp, đúng quy định nên nội dung kháng cáo này của bà N không có cơ sở xem xét.

Từ phân tích trên, đề nghị HĐXX phúc thẩm tuyên xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lê Thị Ngọc N.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm sơ thẩm số 26/2024/DS-ST ngày 19/6/2024 của TAND TP Long Khánh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Ngọc N làm trong thời hạn luật định, đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc N yêu cầu Tòa án cấp phúc hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2024/DS-ST ngày 19/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh với lý do đề nghị hủy án với lý do như sau:

- Về tố tụng: Cấp sơ thẩm thực hiện không đúng quy định của pháp luật

1. Hội thẩm nhân dân có thay đổi so với Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Không đưa ông Lê Xuân T2 là chồng của bà và bà Trần Thị S là mẹ của bà với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để xem xét việc liên đới trả tiền và làm rõ việc trả tiền.

3. Cấp sơ thẩm tính giá vàng 9999 tại thời điểm xét xử là 7.350.000 đồng/chỉ nhưng không hề viện dẫn (công ty hay cửa hàng vàng nào bán giá này?) là cảm tính không đúng quy định của pháp luật.

Xét về kháng cáo của bà N cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, về việc thay đổi Hội thẩm nhân dân cấp sơ thẩm đã có quyết định thay đổi bổ sung Hội thẩm nhân dân theo đúng quy định của pháp luật; về việc không đưa chồng của bà và bà Trần Thị S là mẹ của bà với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là không cần thiết vì bà L1 chỉ có yêu cầu một mình bà N trả nợ.

- Về nội dung:

Đối với bà L1 cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là bản chính giấy viết tay các lần mượn tiền, vàng, cụ thể: giấy ngày 25/6/2013 nội dung bà N mượn của bà L1 30.000.000 đồng, giấy ngày 12/7/2023 nội dung bà N mượn của bà L1 08 chỉ vàng 24K 9999, giấy ngày 30/12/2011 nội dung bà N mượn của bà L1 3 chỉ vàng 9999, giấy ngày 10/7/2013 nội dung bà N mượn của bà L1 số tiền 25.000.000 đồng. Bà N đã trả được cho bà 0 chỉ vàng 9999, còn thiếu 55.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 9999.

Tại cấp sơ thẩm đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trong các giấy mượn tiền bà L1 đã cung cấp (được ký hiệu là A1, A2, A3, A4, trừ hàng chữ ghi ngày, tháng, năm không lấy lời vì theo bà L1 đây là chữ viết của bà nhằm nhớ thời gian không lấy tiền lời từ bà N nữa). Tài liệu dùng để so sánh là chữ ký, chữ viết của bà N trong các biên bản giao nhận văn bản tố tụng, bản trình bày ý kiến của bà gửi đến Tòa án – được ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5 (các tài liệu này được lưu trữ trong hồ sơ thụ lý số 112/2022/TLDS-ST ngày 07/7/2022 và hồ sơ vụ án mà Tòa án đang giải quyết). Kết luận giám định số 7488/KL-KTHS ngày 24/01/2024 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận “*Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Thị Ngọc N trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Thị Ngọc N trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người ký, viết ra*”.

Bà N cho rằng trong các giấy nợ không ghi rõ họ tên địa chỉ của người vay và người cho vay nên không có cơ sở xác định người thiếu nợ là bà – Lê Thị Ngọc N

cũng như người cho vay là bà Nguyễn Thị Kim L để bà L căn cứ vào các giấy nợ này khởi kiện bà. Tuy nhiên Toà sơ thẩm đã trưng cầu giám định chữ ký chữ viết của bà Lê Thị Ngọc N trong các văn bản Toà án lưu giữ và văn bản của bà gửi cho Toà để làm mẫu so sánh, kết luận giám định xác định chữ ký, chữ viết trong các giấy mượn nợ và trong mẫu so sánh là do một người viết, ký ra, như vậy xác định các giấy nợ mà nguyên đơn cung cấp là chữ viết và chữ ký của bà Lê Thị Ngọc N mà Toà án đang làm việc với tư cách là bị đơn đơn trong vụ án bà L khởi kiện bà N.

Về phần người cho vay, mặc dù trong giấy không ghi rõ họ tên địa chỉ của bà L, nhưng bà L là người đang lưu giữ bản chính nên bà có quyền căn cứ các giấy nợ này để khởi kiện bà N. Toàn bộ giấy nợ bản chính đã được Toà án thu giữ lưu hồ sơ nên ngoài bà L thì không còn ai khác có và sử dụng bản chính các giấy nợ này để khởi kiện bà N bằng vụ án khác nữa. Còn việc bà N cho rằng vì sao năm 2022 bà L khởi kiện rồi lại rút đơn, cho vay thời gian đã lâu nhưng đến nay mới khởi kiện thì đó là quyền tự định đoạt của bà L trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, cho đến thời điểm xét xử thì Toà án không nhận được đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với đơn khởi kiện của bà L, đó là lý do Toà án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản mà không phải là kiện đòi tài sản.

Bà N cho rằng giấy tờ ghi là mượn nhưng đơn khởi kiện nói có trả lãi là mâu thuẫn, theo quy định của Bộ luật dân sự thì đối tượng của hợp đồng mượn tài sản là vật đặc định không tiêu hao, sau khi sử dụng tài sản đi mượn, bên mượn phải trả lại đúng tài sản đã mượn cho bên cho mượn. Ở đây tài sản các bên giao dịch là tiền và vàng, người nhận tài sản sử dụng hết và khi trả thì sẽ trả bằng tiền và vàng có giá trị tương đương với tài sản đã nhận chứ không phải trả đúng các tờ tiền hay chỉ vàng đã nhận, nên bản chất giao dịch giữa bà L bà N là vay tài sản. Bà L cũng thừa nhận giấy tờ viết là mượn tiền, vàng không ghi nhận lãi suất nhưng thực tế giữa hai bên có thoả thuận riêng về lãi suất và bà L đã nhận tiền lãi từ bà N như bà đã trình bày ở trên. Lời khai này của bà L là có cơ sở vì nó không có lợi ích gì cho bà mà ngược lại là có lợi cho bà N, đồng thời hiện nay bà L cũng không yêu cầu bà N phải trả tiền lãi nên không thể cho rằng bà thêm vào nội dung này để nhận thêm tiền lãi từ bà N.

Cấp sơ thẩm xác định bà N có vay tiền và vàng và còn thiếu như nguyên đơn trình bày nên buộc bà N trả cho bà L số tiền gốc và vàng đã vay. Quá trình làm việc bà N không ý kiến gì về số tiền lãi đã trả nên ghi nhận lời trình bày của bà L về tiền lãi đã nhận. Đối với khoản vay tiền thì tiền lãi bà L đã nhận không vượt quá quy định pháp luật nên không xem xét điều chỉnh lại là đúng quy định của pháp luật.

Riêng đối với vàng, đây không phải là phương tiện thanh toán được Nhà nước cho phép, chỉ có các tổ chức tín dụng được cho phép mới được nhận gửi vàng và có lãi suất, hiện không có văn bản quy định cá nhân được dùng vàng giao dịch thanh toán và được tính lãi suất của vàng. Do đó việc các bên thoả thuận vay vàng có lãi suất là vi phạm pháp luật nên hợp đồng này vô hiệu, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, số tiền lãi của vàng mà bà L đã nhận được khấu trừ vào số vàng gốc bà N phải trả cho bà.

Như vậy bà N phải trả cho bà L 55.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 9999. Để thuận tiện trong việc thi hành án, tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án, tính án phí nên Tòa án quy đổi số vàng bà N phải trả thành tiền theo giá vàng của thị trường niêm yết tại thời điểm Tòa án xét xử, ngày 19/6/2024 vàng 9999 có giá là 7.350.000 đồng/01 chỉ => 05 chỉ vàng 9999 = 36.750.000 đồng, khấu trừ 7.100.000 đồng tiền lãi đã nhận, còn phải trả là 29.650.000 đồng.

Tổng số tiền bà N phải trả cho bà L là 84.650.000 đồng. Như cấp sơ thẩm nhận định là đúng quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Ngọc N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn bà N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc N, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 26/2024/DS-ST ngày 19/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 180, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

**1. Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

Buộc bà Lê Thị Ngọc N trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 84.650.000 (Tám mươi tư triệu sáu trăm năm mươi ngàn) đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (sau khi án có hiệu lực pháp luật), người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về chi phí tố tụng: Buộc bà Lê Thị Ngọc N trả cho bà Nguyễn Thị Kim L 4.000.000 (Bốn triệu) đồng chi phí tố tụng.

### **2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L 2.070.000 đồng tiền tạm ứng án phí do bà L nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh theo biên lai thu số 0006814 ngày 10/5/2023.

Bà Lê Thị Ngọc N phải chịu 4.232.500 (Bốn triệu hai trăm ba mươi hai ngàn năm trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

### **3. Về án phí dân sự phúc thẩm:**

Bà Lê Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng số 0005474 ngày 02/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh. Bà N đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**\* Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP . Long Khánh;
- Chi cục THADS TP . Long Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Trần Vĩnh Yên**